

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 32/2022/DS-ST
Ngày 21 tháng 6 năm 2022
V/v tranh chấp: "*Yêu cầu*
thực hiện nghĩa vụ trả tiền"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,
TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **LƯƠNG NGỌC YẾN ANH**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **NGUYỄN THỊ LÝ**

2. Bà **VÕ THỊ BÒI**

- Thư ký phiên tòa: Bà **NGUYỄN THỊ VÂN** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Bà **NGUYỄN THỊ NHƯ HẠNH** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 319/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc "*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2022 và Thông báo số 111/TB-TA "V/v: Dời lịch xét xử vụ án" ngày 13 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Trần Ngọc H**; Địa chỉ: Căn số 05, tầng 27 Chung cư Napoleon, số 02 đường C, phường P, thành phố T, tỉnh H. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

* Bị đơn: Bà **Nguyễn Hà Ngọc U**; Địa chỉ: Số 06 đường L, phường H, thành phố T, tỉnh H. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

* Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Ông **Viên Quang Phát**; Địa chỉ: Số 06 Lê Lợi, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn ông **Trần Ngọc H** trình bày:

Ngày 17/10/2019, tôi có thuê mặt bằng tại địa chỉ: Tòa nhà ăn sinh viên Trường Đại học Nha Trang; Địa chỉ: Số 02 đường C, phường P, thành phố T của bà **Nguyễn Hà Ngọc U** (Mặt bằng này bà U thuê của Trường Đại học Nha Trang). Thời gian thuê từ ngày 17/01/2019 đến hết ngày 01/8/2022. Đến tháng 10/2019, tôi và bà U tiếp tục thỏa thuận thuê mặt bằng trên đến ngày 01/8/2025, với giá thuê là 350.000.000 đồng. Tôi đã thanh toán đủ số tiền 350.000.000 đồng cho bà U.

Tuy nhiên, đến khoảng tháng 11/2020, do bà U không thanh toán tiền mặt bằng với Trường Đại học Nha Trang nên phía Trường buộc tôi phải thanh toán tiền

mặt bằng cho trường. Lúc này, tôi và bà U thống nhất sẽ không tiếp tục gia hạn hợp đồng thuê mặt bằng đến ngày 01/8/2025 nữa; Bà U cam kết sẽ trả lại cho tôi số tiền 350.000.000 đồng. Theo nội dung Giấy cam kết trả nợ đề ngày 14/11/2020, bà U cam kết sẽ trả cho tôi số tiền trên trước ngày 31/12/2020. Nhưng đến hẹn, bà U không trả. Mặc dù tôi đã lần yêu cầu trả nợ nhưng bà U cố tình trốn tránh nên tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà U phải hoàn trả cho tôi một lần số tiền 350.000.000 đồng. Tôi không yêu cầu tính lãi.

** Bị đơn bà Nguyễn Hà Ngọc U trình bày:* Tôi và ông Trần Ngọc H có ký kết hợp đồng cho thuê mặt bằng tại Trường Đại học Nha Trang; Địa chỉ: Số 02 đường C, phường P, thành phố T. Do nhà trường muốn lấy lại mặt bằng nên giữa tôi và ông H không hoàn thành trách nhiệm theo thỏa thuận trong hợp đồng. Nay, tôi đồng ý trả cho ông H số tiền 350.000.000 đồng nhưng tôi xin được trả dần với số tiền 2.000.000 đồng/tháng, vì hiện nay gia đình tôi lâm vào hoàn cảnh khó khăn, tôi đang phải đi làm thuê trong thành phố Hồ Chí Minh nên không có khả năng trả một lần cho ông H.

** Người liên quan ông Viên Quang P trình bày:* Tôi là chồng của bà Nguyễn Hà Ngọc U; Sự việc làm ăn giữa bà U và ông Trần Ngọc H về việc thuê mặt bằng tại Trường Đại học Nha Trang, tôi không hề hay biết và việc bà U cam kết trả cho ông H số tiền 350.000.000 đồng tôi cũng không được biết. Do đó, tôi không có ý kiến gì về việc ông H khởi kiện yêu cầu bà U phải trả số tiền nói trên. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện tại, vì điều kiện kinh tế khó khăn, tôi đang đi làm xa nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tôi trong các giai đoạn tố tụng.

** Tại phiên tòa:*

1. Các đương sự đều vắng mặt.

2. Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc H. Buộc bị đơn bà Nguyễn Hà Ngọc U phải trả một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, cho ông Trần Ngọc H số tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*).

- Án phí: Bị đơn bà Nguyễn Hà Ngọc U phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Ngọc H và bị đơn bà Nguyễn Hà Ngọc U vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Viên Quang P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo lời khai của các đương sự có tại hồ sơ thể hiện: Vào tháng 10/2019, ông Trần Ngọc H và bà Nguyễn Hà Ngọc U có thỏa thuận gia hạn hợp đồng thuê mặt bằng tại Trường Đại học Nha Trang; Địa chỉ: Số 02 đường C, phường P, thành phố T, kéo dài hợp đồng đến ngày 01/8/2025, với giá thuê là 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*). Ông H đã thanh toán đầy đủ số tiền thuê mặt bằng cho bà U. Tuy nhiên, do bà U không thực hiện đúng thỏa thuận nên các bên thống nhất không gia hạn hợp đồng thuê mặt bằng trên nữa; Đồng thời, bà U cam kết đến ngày 31/12/2020 sẽ trả lại cho ông H số tiền 350.000.000 đồng, nhưng bà U đã không thực hiện đúng nội dung được ghi tại Giấy cam kết trả nợ đề ngày 14/11/2020. Nay, ông Trần Ngọc H yêu cầu bà Nguyễn Hà Ngọc U trả một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực, số tiền còn nợ 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Hà Ngọc U thừa nhận còn nợ ông Trần Ngọc H số tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*); Đây là tình tiết rõ ràng, được các đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đến hạn trả tiền nhưng bà U không thực hiện nghĩa vụ cũng như không có thiện chí trả nợ là xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của ông H. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như các phiên hòa giải, ông H không đồng ý cho bà U trả nợ dần mà yêu cầu bà U trả nợ một lần số tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*), ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xác định yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Ngọc H là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Lỗi suất: Nguyên đơn ông Trần Ngọc H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Án phí: Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Bà Nguyễn Hà Ngọc U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) mà bà U có trách nhiệm thanh toán cho ông Trần Ngọc H. Cụ thể: Bà U phải nộp $350.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 14.000.000 \text{ đồng}$ (*Mười bốn triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho ông Trần Ngọc H số tiền 8.750.000 đồng (*Tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000804 ngày 08/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là ông Trần Ngọc H.

Buộc bị đơn là bà Nguyễn Hà Ngọc U thanh toán một lần và đầy đủ số tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) cho ông Trần Ngọc H, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Lãi suất: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Hà Ngọc U phải chịu 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho ông Trần Ngọc H số tiền 8.750.000 đồng (*Tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000804 ngày 08/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

4. Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. Nha Trang;
- Chi cục THADS Tp. Nha Trang;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Yến Anh